

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN AN GIANG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN AN GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1602159737

**3. Ngày thành lập:** 15/05/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 165 Phú Hữu 2, Xã Lê Chánh, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0888280880

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4329     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4330     |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng:<br>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,<br>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,<br>+ Chống ẩm các toà nhà,<br>+ Chôn chân trụ,<br>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,<br>+ Uốn thép,<br>+ Xây gạch và đặt đá,<br>+ Lợp mái bao phủ toà nhà,<br>+ Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng,<br>+ Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp,<br>+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.<br>- Các công việc dưới bề mặt;<br>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;<br>- Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà;<br>- Thuê cần trục có người điều khiển | 4390     |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Loại trừ hoạt động hợp báo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8230     |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 5. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, chứng khoán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6619        |
| 6. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở;<br>- Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở;<br>- Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở;<br>- Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở;<br>- Kinh doanh bất động sản khác<br>(Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản 2014)                                                                                                | 6810(Chính) |
| 7. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>(Điều 62 Luật kinh doanh bất động sản 2014)<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>(Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản 2014)<br>- Sàn giao dịch bất động sản;<br>(Điều 69 Luật kinh doanh bất động sản 2014)<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản<br>(Điều 75 Luật kinh doanh bất động sản 2014)<br>- Dịch vụ định giá bất động sản;<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá) | 6820        |
| 8. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7020        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình;</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình;</li> <li>- Thiết kế cơ- điện công trình dân dụng- công nghiệp;</li> <li>- Thiết kế cấp - thoát nước công trình;</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.</li> </ul> <p>(Khoản 8 Điều 1 Nghị định Số: 100/2018/NĐ-CP).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình (Khoản 6 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP)</li> <li>- Lập quy hoạch xây dựng (Khoản 7 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP).</li> <li>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật(Khoản 8 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP).</li> <li>- Quản lý dự án đầu tư xây dựng.</li> <li>- Thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Giám sát thi công xây dựng công trình (Khoản 9 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP)</li> <li>- Kiểm định xây dựng (Khoản 10 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP).</li> <li>- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.</li> </ul> <p>(Khoản 20 điều 1 Nghị định Số: 100/2018/NĐ-CP)</p> <p>-Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác</p> | 7110 |
| 10. | <p>Quảng cáo</p> <p>Trừ quảng cáo thuốc lá</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7310 |
| 11. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7320 |
| 12. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4101 |
| 13. | <p>Xây dựng nhà không để ở</p> <p>Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4102 |
| 14. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4222 |
| 15. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4311 |
| 16. | <p>Chuẩn bị mặt bằng</p> <p>Trừ dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4312 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 2.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                   | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐINH NHẬT<br>LONG | Số 7 hẻm 8 ngách<br>27 ngõ 268 Đê La<br>Thành, Phường<br>Thổ Quan, Quận<br>Đống Đa, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200.000       | 2.000.000.000            | 10,000       | 0010900438<br>38                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Tổng số                            | 200.000       | 2.000.000.000            | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN THU<br>VÂN | 34A Trần Phú,<br>Phường Điện<br>Biên, Quận Ba<br>Đình, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                                 | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200.000       | 2.000.000.000            | 10,000       | 0011880406<br>50                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Tổng số                            | 200.000       | 2.000.000.000            | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                   |                                                                                                  |                                    |               |                |        |                  |
|---|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|----------------|--------|------------------|
| 3 | ĐÌNH TẮT<br>THẮNG | Số 12A/111, cụm<br>1, Phường Đông<br>Khê, Quận Ngô<br>Quyên, Thành<br>phố Hải Phòng,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.600.0<br>00 | 16.000.000.000 | 80,000 | 0310900069<br>16 |
|   |                   |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                  | Tổng số                            | 1.600.0<br>00 | 16.000.000.000 | 80,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: ĐINH TẮT THẮNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc*

Sinh ngày: 15/09/1990

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031090006916

Ngày cấp: 24/10/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: *Số 12A/111, cụm 1, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 12A/111, cụm 1, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh An Giang